Câu 1: Bài thuốc Lục nhất tán thuộc nhôm

1. Thanh nhiệt khí phận
2. Thanh nhiệt giải độc
3. **Thanh nhiệt trừ thử lợi thấp**
4. Thanh nhiệt tạng phủ

Câu 2: Bài thuốc Trúc diệp thạch cao thang dùng để thanh nhiệt ở

1. Vệ phận
2. **Khí phận**
3. Dinh phận
4. Huyết phận

Câu 3: Trong bài thuốc Hoàng liên giải độc thang, vị Hoàng liên có tác dụng

1. **Tả hỏa**
2. Lương huyết
3. Giải độc
4. Lợi thấp

Câu 4: Bạch hổ thang để thanh nhiệt ở khí phận, vị Thạch cao làm quân vì có tác dụng

1. Tư tâm
2. Trừ phiền
3. Sinh tân
4. **Tả hỏa**

Câu 5: Trong trường hợp âm hư sốt kéo dài, bài thuốc nào sau đây có thể được sử dụng

1. Đạo xích tán
2. Tê giác địa hoàng thang
3. Long đởm tả can thang
4. **Thanh hao miết giáp thang**

Câu 6: Trường hợp lỵ, mọt rặn, bụng đau, đại tiện có máu mủ, hậu môn nông rát, bài thuốc được sử dụng là

1. Thanh vị thang
2. Hoàng cầm thang
3. Đạo xích tán
4. **Bạch đầu ông thang**

Câu 7: Công dụng bài thuốc Phổ tế tiêu độc ẩm

1. **Thanh nhiệt giải độc, sơ phong tán tà**
2. Thanh thử nhiệt, ích nguyên khí
3. Thanh hư nhiệt
4. Thanh nhiệt, giải độc, lương huyết, tán ứ

Câu 8: Mùa hè, Thử tà làm tổn hao đến tân dịch, nguyên khí gây ra sốt, vã mồ hôi, mệt mỏi, bứt rứt, chỉ định của bài thuốc

1. **Thanh thử ích khí thang**
2. Đạo xích tán
3. Hương nhu tán
4. Bạch hổ thang

Câu 9: Ngoại cảm hàn tà, trong bị thấp, biểu hiện sốt, sợ lạnh, đau đầu, không ra mồ hôi, ngực đầy trướng, tiêu chảy, rêu lưỡi trắng nhờ, mạch phù là chỉ định của bài thuốc

1. Thạnh vị tán
2. Đạo xích tán
3. **Hương nhu tán**
4. Lục nhất tán

Câu 10: Nhiệt tà xâm nhập gây mỏi, lợi sưng nề hoặc lở loét hoặc chảy máu chân răng kèm miệng khô, lưỡi ráo, hơi thở hôi thối là chỉ định của bài thuốc

1. **Thanh vị tán**
2. Thanh cốt tán
3. Trúc diệp thạch cao thang
4. Tê giác địa hoang thang

Câu 11: BN với triệu chứng đại nhiệt, đại hãn, đại khát, mạch đại, hữu lực. Chỉ định bài thuốc cho BN

1. Trúc diệp thạch cao thang
2. **Bạch hổ thang**
3. Thanh dinh thang
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 12: Công dụng bài thuốc Bạch hổ thang

1. **Thanh nhiệt tả hỏa, sinh tân chỉ khát**
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. Thanh nhiệt giải độc, lương huyết tán ứ
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 13: Chỉ định bài thuốc Bạch hổ thang

1. **Nhiệt thịnh khí phận**
2. Thương hàn
3. Nhiệt nhập dinh phận
4. Nhiệt nhập huyết phận

Câu 14: Quân dược của bài Bạch hổ thang

1. Tri mẫu
2. **Thạch cao**
3. Tê giác
4. Huyền sâm

Câu 15: Thần dược của bài Bạch hổ thang

1. **Tri mẫu**
2. Thạch cao
3. Tê giác
4. Huyền sâm

Câu 16: Công dụng của Tri mẫu trong bài Bạch hổ thang

1. **Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền**
2. Thanh nhiệt tả hỏa, chỉ khát trừ phiền
3. Ích khí sinh tân
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 17: Chống chỉ định bài Bạch hổ thang

1. Nhiệt nhập dinh phận
2. Thấp uất kết
3. Chính thịnh tà thực, sốt cao chưa giảm
4. **Biểu chưa giải, huyết hư, khí hư**

Câu 18: BN ngực bứt rứt, buồn nôn, ra mồ hôi nhiều, mất ngut, lưỡi đỏ, mạch hư sác. Chỉ định bài thuốc cho BN

1. **Trúc diệp thạch cao thang**
2. Bạch hổ thang
3. Thanh dinh thang
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 19: Công dụng bài thuốc Trúc diệp thạch cao thang

1. Thanh nhiệt tả hỏa, sinh tân chỉ khát
2. **Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị**
3. Thanh nhiệt giải độc, lương huyết tán ứ
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 20: Chỉ định bài thuốc Trúc diệp thạch cao thang

1. Nhiệt thịnh khí phận
2. **Thương hàn**
3. Nhiệt nhập dinh phận
4. Nhiệt nhập huyết phận

Câu 21: Công dụng của Thạch cao trong bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. **Thanh nhiệt sinh tân, chỉ khát trừ phiền**
3. Ích khí sinh tân
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 22: Quân dược của bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Tri mẫu
2. **Thạch cao**
3. Tê giác
4. Huyền sâm

Câu 23: Thần dược của bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Tri mẫu
2. Thạch cao
3. Tê giác
4. **Nhân sâm**

Câu 24: Thần dược của bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Tri mẫu
2. Thạch cao
3. **Mạch môn**
4. Huyền sâm

Câu 25: Công dụng của Nhân sâm trong bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Thanh nhiệt sinh tân, chỉ khát trừ phiền
3. **Ích khí sinh tân**
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 26: Công dụng của Mạch môn trong bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Thanh nhiệt sinh tân, chỉ khát trừ phiền
3. **Dưỡng âm sinh tân**
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 27: Chống chỉ định bài Trúc diệp thạch cao thang

1. Nhiệt nhập dinh phận
2. Thấp uất kết
3. **Chính thịnh tà thực, sốt cao chưa giảm**
4. Biểu chưa giải, huyết hư, khí hư

Câu 28: BN nóng, nặng về chiều, ban chẩn nổi lờ mờ, lưỡi đỏ thẫm, khô, mạch tế sác. Chỉ định cho BN

1. Trúc diệp thạch cao thang
2. Bạch hổ thang
3. **Thanh dinh thang**
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 29: Công dụng bài thuốc Thanh dinh thang

1. Thanh nhiệt tả hỏa, sinh tân chỉ khát
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. Thanh nhiệt giải độc, lương huyết tán ứ
4. **Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm**

Câu 30: Chỉ định bài thuốc Thanh dinh thang

1. Nhiệt thịnh khí phận
2. Thương hàn
3. **Nhiệt nhập dinh phận**
4. Nhiệt nhập huyết phận

Câu 31: Chống chỉ định bài Thanh dinh thang

1. Nhiệt nhập dinh phận
2. **Thấp uất kết**
3. Chính thịnh tà thực, sốt cao chưa giảm
4. Biểu chưa giải, huyết hư, khí hư

Câu 32: Thần dược của bài Thanh dinh thang

1. Tri mẫu
2. Thạch cao
3. Kim ngân hoa
4. **Huyền sâm**

Câu 33: Thần dược của bài Thanh dinh thang

1. Tri mẫu
2. Thạch cao
3. **Mạch môn**
4. Đan sâm

Câu 34: Thần dược của bài Thanh dinh thang

1. Tri mẫu
2. **Sinh địa**
3. Kim ngân hoa
4. Hoàng liên

Câu 35: Quân dược của bài Thanh dinh thang

1. Tri mẫu
2. Thạch cao
3. Kim ngân hoa
4. **Tê giác**

Câu 36: Công dụng của Tê giác trong bài Thanh dinh thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Thanh nhiệt sinh tân, chỉ khát trừ phiền
3. Dưỡng âm sinh tân
4. **Thanh nhiệt độc ở dinh phận**

Câu 37: Công dụng của Sinh địa trong bài Thanh dinh thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Giáng hỏa
3. **Lương huyết, dưỡng âm**
4. Thanh nhiệt độc ở dinh phận

Câu 38: Công dụng của Huyền sâm trong bài Thanh dinh thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. **Tư âm, giáng hỏa**
3. Lương huyết, dưỡng âm
4. Thanh nhiệt độc ở dinh phận

Câu 39: BN nóng, mê sảng, phát ban sắc đen sạm, xuất huyết, tiểu ra máu, mạch sác

1. Trúc diệp thạch cao thang
2. Bạch hổ thang
3. Thanh dinh thang
4. **Tê giác địa hoàng thang**

Câu 40: Công dụng bài thuốc Tê giác địa hoàng thang

1. Thanh nhiệt tả hỏa, sinh tân chỉ khát
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. **Thanh nhiệt giải độc, lương huyết tán ứ**
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 41: Công dụng của Tê giác trong bài Tê giác địa hoàng thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Tư âm, giáng hỏa
3. **Lương huyết thanh Tâm, giải nhiệt độc.**
4. Thanh nhiệt độc ở dinh phận

Câu 42: Công dụng của Sinh địa trong bài Tê giác địa hoàng thang

1. Tư âm nhuận táo, giáng hỏa
2. Tư âm, giáng hỏa
3. Thanh nhiệt lương huyết, dưỡng âm.
4. Thanh nhiệt độc ở dinh phận

Câu 43: BN sốt cao, bứt rứt, nói sảng, mất ngủ, miệng họng khô; hoặc bệnh nhiệt gây nôn máu, chảy máu cam; hoặc sốt cao, phát ban; hoặc mình nóng, tiêu chảy; hoặc hoặc thấp nhiệt gây hoàng đản; hoặc ung nhọt, đinh độc, tiểu đỏ, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch sác, hữu lực. Chỉ định dùng bài thuốc

1. Trúc diệp thạch cao thang
2. **Hoàng liên giải độc thang**
3. Thanh dinh thang
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 44: Công dụng bài thuốc Hoàng liên giải độc thang

1. Thanh nhiệt tả hỏa, sinh tân chỉ khát
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. **Tả hỏa giải độc**
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 45: Công dụng của Hoàng liên trong bài Hoàng liên giải độc thang

1. Tư âm nhuận táo, giáng hỏa
2. **Thanh Tâm tả hỏa.**
3. Thanh nhiệt lương huyết, dưỡng âm.
4. Thanh nhiệt độc ở dinh phận

Câu 46: Công dụng của Hoàng cầm trong bài Hoàng liên giải độc thang

1. Tư âm nhuận táo, giáng hỏa
2. Thanh Tâm tả hỏa.
3. **Thanh nhiệt thượng tiêu**
4. Thanh nhiệt độc ở dinh phận

Câu 47: Công dụng của Hoàng bá trong bài Hoàng liên giải độc thang

1. Tư âm nhuận táo, giáng hỏa
2. Thanh Tâm tả hỏa.
3. Thanh nhiệt thượng tiêu
4. **Thanh nhiệt hạ tiêu**

Câu 48: BN sợ lạnh, phát sốt; đầu mặt sưng tấy, đỏ, đau; mắt không thể mở; hầu họng sưng, đỏ, đau; lưỡi khô, miệng khát, lưỡi hồng, rêu vàng, mạch phù sác, hữu lực. Chỉ định dùng bài thuốc cho BN này

1. **Bổ phế tiêu độc ẩm**
2. Hoàng liên giải độc thang
3. Thanh dinh thang
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 49: Công dụng bài thuốc Bổ phế tiêu độc ẩm

1. **Thanh nhiệt giải độc, sơ phong tán tà**
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. Tả hỏa giải độc
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 50: Công dụng của Hoàng cầm, Hoàng liên trong bài Bổ phế tiêu độc ẩm

1. Tư âm nhuận táo, giáng hỏa
2. Thanh Tâm tả hỏa.
3. Thanh nhiệt thượng tiêu
4. **Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu**

Câu 51: Công dụng của Thăng ma, Sài hồ trong bài Bổ phế tiêu độc ẩm

1. Tư âm nhuận táo, giáng hỏa
2. **Sơ tán phong nhiệt, dẫn thuốc đưa lên đầu mặt.**
3. Thanh nhiệt thượng tiêu
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 52: BN tức ngực, bứt rứt, mặt đỏ, loét miệng lưỡi, miệng khát, thích uống nước lạnh; hoặc Tâm nhiệt truyền xuống phủ Tiểu trường, tiểu đỏ, gắt, đau, lưỡi đỏ, mạch sác. Chỉ định dùng thuốc cho BN

1. Bổ phế tiêu độc ẩm
2. **Đạo xích tán**
3. Thanh dinh thang
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 53: Công dụng bài thuốc Đạo xích tán

1. **Thanh Tâm, lợi thủy, dưỡng âm**
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. Tả hỏa giải độc
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 54: Công dụng của Sinh địa trong bài Đạo xích tán

1. **Lương huyết tư âm để khống chế Tâm hỏa**
2. Sơ tán phong nhiệt, dẫn thuốc đưa lên đầu mặt.
3. Thanh nhiệt thượng tiêu
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 55: Công dụng của Mộc thông trong bài Đạo xích tán

1. **Thanh Tâm hỏa, lợi thủy thông lâm.**
2. Sơ tán phong nhiệt, dẫn thuốc đưa lên đầu mặt.
3. Thanh nhiệt thượng tiêu
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 56: Công dụng của Trúc diệp trong bài Đạo xích tán

1. Thanh Tâm hỏa, lợi thủy thông lâm.
2. **Thanh Tâm trừ phiền, dẫn Tâm hỏa đi xuống.**
3. Thanh nhiệt thượng tiêu
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 57: BN bộ phận sinh dục sưng, ngứa; liệt dương, tiểu đục hoặc phụ nữ đới hạ vàng, hôi, lưỡi đỏ, rêu vàng nhầy, mạch huyền sác, hữu lực. Chỉ định bài thuốc cho BN

1. Bổ phế tiêu độc ẩm
2. Đạo xích tán
3. **Long đởm tả can thang**
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 58: Công dụng của Long đởm thảo trong bài Long đởm tả can thang

1. **Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.**
2. Thanh Tâm trừ phiền, dẫn Tâm hỏa đi xuống.
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 59: Công dụng của Hoàng cầm, Chi tử trong bài Long đởm tả can thang

1. Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.
2. Thanh Tâm trừ phiền, dẫn Tâm hỏa đi xuống.
3. **Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.**
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 60: BN ho, suyễn, da nóng bừng bừng, sốt cao về chiều, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch tế sác. Chỉ định cho BN này

1. Bổ phế tiêu độc ẩm
2. Đạo xích tán
3. **Tả bạch tán**
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 61: Công dụng bài thuốc Tả bạch tán

1. Thanh tả Can đởm thực hỏa, thanh lợi Can kinh thấp nhiệt
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. **Thanh tả Phế nhiệt, bình suyễn chỉ khái.**
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 62: Công dụng của Tang bạch bì trong bài Tả bạch tán

1. Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.
2. **Tả Phế nhiệt, thanh Phế khí, chỉ khái, bình suyễn.**
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 63: Công dụng của Địa cốt bì trong bài Tả bạch tán

1. Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.
2. **Thanh Phế trừ phục hỏa.**
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 64: BN đau răng gây đau đầu, nóng gò má, răng đau thích lạnh, sợ nóng, hoặc chảy máu chân răng, nặng thì lợi sưng đỏ, lở loét hoặc môi, lưỡi, má sưng đau, hơi thở hôi thối, miệng khô, lưỡi khô, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch hoạt sác. Chỉ định cho BN

1. Bổ phế tiêu độc ẩm
2. **Thanh vị tán**
3. Tả bạch tán
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 65: Công dụng bài thuốc Thanh vị thang

1. Thanh tả Can đởm thực hỏa, thanh lợi Can kinh thấp nhiệt
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. Thanh tả Phế nhiệt, bình suyễn chỉ khái.
4. **Thanh vi lương huyết.**

Câu 66: Công dụng của Hoàng liên trong bài Thanh vị thang

1. Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.
2. **Tả hỏa phủ Vị**
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 67: Công dụng của Thăng ma trong bài thanh vị thang

1. Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.
2. **Thanh nhiệt giải độc**
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 68: Công dụng của Mẫu đơn bì trong bài Thanh vị thang

1. Tả thực hỏa ở Can Đởm, trừ thấp nhiệt ở hạ tiêu.
2. **Thanh nhiệt lương huyết**
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 69: BN đại tiện có máu mủ, máu nhiều mủ ít, đau bụng, mót rặn, hậu môn nóng rát, khát thích uống nước, lưỡi đỏ, rêu vàng, mạch huyền sác. Chỉ định cho BN

1. **Bạch đầu ông thang**
2. Thanh vị tán
3. Tả bạch tán
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 70: Công dụng của bài Bạch đầu ông thang

1. Thanh tả Can đởm thực hỏa, thanh lợi Can kinh thấp nhiệt
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. **Thanh nhiệt giải độc, lương huyết chỉ lỵ.**
4. Thanh vi lương huyết.

Câu 71: Công dụng của Bạch đầu ông trong bài Bạch đầu ông thang

1. **Thanh nhiệt phần huyết, chỉ tả lỵ.**
2. Thanh nhiệt lương huyết
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 72: Công dụng của Hoàng liên, Hoàng bá trong bài Bạch đầu ông thang

1. **Thanh thấp nhiệt giải độc ở trung và hạ tiêu, phối hợp với Bạch đầu ông trừ tả lỵ.**
2. Thanh nhiệt lương huyết
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 73: BN đêm sốt ngày mát, sốt hết không có mồ hôi, lưỡi đỏ, rêu ít, mạch tế sác. Chỉ định cho BN này

1. **Thanh hao miết giáp thang**
2. Thanh vị tán
3. Tả bạch tán
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 74: Công dụng của bài Thanh hao miết giáp thang

1. Thanh tả Can đởm thực hỏa, thanh lợi Can kinh thấp nhiệt
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. **Dưỡng âm thanh nhiệt.**
4. Thanh vi lương huyết.

Câu 75: Công dụng của Miết giáp trong bài Thanh hao miết giáp thang

1. Thanh thấp nhiệt giải độc ở trung và hạ tiêu, phối hợp với Bạch đầu ông trừ tả lỵ.
2. **Trực tiếp vào âm phận để tư âm trừ hư nhiệt**
3. Thanh lợi thấp nhiệt trợ Long đởm thảo tả hỏa trừ thấp.
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 76: Công dụng của Thanh hao trong bài Thanh hao miết giáp thang

1. Thanh thấp nhiệt giải độc ở trung và hạ tiêu, phối hợp với Bạch đầu ông trừ tả lỵ.
2. Trực tiếp vào âm phận để tư âm trừ hư nhiệt
3. **Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoài**
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 77: Công dụng của Tri mẫu trong bài Thanh hao miết giáp thang

1. **Tư âm giáng hỏa**
2. Trực tiếp vào âm phận để tư âm trừ hư nhiệt
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 78: Công dụng của Sinh địa trong bài Thanh hao miết giáp thang

1. **Tư âm lương huyết**
2. Trực tiếp vào âm phận để tư âm trừ hư nhiệt
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 79: Công dụng bài thuốc Long đởm tả can thang

1. **Thanh tả Can đởm thực hỏa, thanh lợi Can kinh thấp nhiệt**
2. Thanh nhiệt sinh tân, ích khí hòa Vị
3. Tả hỏa giải độc
4. Thanh dinh giải độc, thấu nhiệt dưỡng âm

Câu 80: BN sốt, sợ lạnh, đau đầu, đau nhức mình, không ra mồ hôi, đau bụng, nôn, tiêu chảy, ngực bụng đầy trướng, rêu lưỡi trắng nhầy, mạch phù. Chỉ định cho BN này

1. **Hương nhu tán**
2. Thanh vị tán
3. Tả bạch tán
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 81: Công dụng bài Hương nhu tán

1. Tư âm lương huyết
2. Trực tiếp vào âm phận để tư âm trừ hư nhiệt
3. **Trừ thấp giải biểu, hóa thấp hòa trung.**
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 82: Công dụng của Hương nhu trong bài Hương nhu tán

1. **Giải thử, tán hàn, lợi thấp**
2. Trực tiếp vào âm phận để tư âm trừ hư nhiệt
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 83: Công dụng của Hậu phác trong bài Hương nhu tán

1. Giải thử, tán hàn, lợi thấp
2. **Hành khí, trừ thấp, hóa trệ**
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 84: BN mình nóng, bứt rứt, miệng khát, tiểu tiện không thông, hoặc tiêu chảy. Chỉ định cho BN

1. Hương nhu tán
2. Thanh vị tán
3. **Lục nhất tán**
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 85: Công dụng của Lục nhất tán

1. **Thanh nhiệt lợi thấp**
2. Hành khí, trừ thấp, hóa trệ
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 86: Công dụng của Hoạt thạch trong bài Lục nhất tán

1. Giải thử, tán hàn, lợi thấp
2. **Thanh giải thử nhiệt, thông lợi thủy đạo**
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 87: BN mình nóng, ra nhiều mồ hôi, bứt rứt, miệng khát, nước tiểu ít, sẫm, mệt mỏi, thiếu khí, tinh thần không phấn chấn, mạch hư sác. Chỉ định cho BN này

1. Hương nhu tán
2. Thanh vị tán
3. **Thanh thử ích khí thang**
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 88: Công dụng của Thanh thử ích khí thang

1. **Thanh thử ích khí, dưỡng âm sinh tân.**
2. Hành khí, trừ thấp, hóa trệ
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 89: Công dụng của Vỏ dưa hấu trong bài Thanh thử ích khí thang

1. Giải thử, tán hàn, lợi thấp
2. **Thanh giải thử nhiệt, sinh tân chỉ khát**
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 90: Công dụng của Tây dương sâm trong bài Thanh thử ích khí thang

1. Giải thử, tán hàn, lợi thấp
2. **Ích khí sinh tân, dưỡng âm thanh nhiệt.**
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 91: Công dụng của Cọng sen trong bài Thanh thử ích khí thang

1. Giải thử, tán hàn, lợi thấp
2. **Trợ Vỏ dưa hấu thanh nhiệt giải thử**
3. Thanh nhiệt, dẫn tà ra ngoai
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 92: Công dụng của Mạch môn, Thạch hộc trong bài Thanh thử ích khí thang

1. Giải thử, tán hàn, lợi thấp
2. Trợ Vỏ dưa hấu thanh nhiệt giải thử
3. **Trợ Tây dương sâm dưỡng âm, sinh tân, thanh nhiệt.**
4. Thanh nhiệt tả hỏa, giải độc ở thượng tiêu và đầu

Câu 93: Công dụng của Thạch cao trong bài Bạch hổ thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. **Thanh nhiệt tả hỏa, chỉ khát trừ phiền**
3. Ích khí sinh tân
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 94: BN đau bụng mót rặn đại tiện máu mủ, nóng rát hậu môn, không khát. Chỉ định dùng cho BN này

1. Hương nhu tán
2. Thanh vị tán
3. **Thược dược thang**
4. Tê giác địa hoàng thang

Câu 95: Công dụng của Thược dược thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. **Thanh nhiệt táo thấp, điều hòa khí huyết**
3. Ích khí sinh tân
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 96: Công dụng của Thược dược trong bài Thược dược thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Thanh nhiệt tả hỏa, chỉ khát trừ phiền
3. **An trung chỉ thống, liễm âm dưỡng huyết**
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 97: Công dụng của Hoàng cầm, Hoàng liên trong bài Thược dược thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Thanh nhiệt tả hỏa, chỉ khát trừ phiền
3. **Thanh nhiệt táo thấp, giải độc**
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc

Câu 98: Công dụng của Đại hòang trong bài Thược dược thang

1. Tư âm nhuận táo, chỉ khát trừ phiền
2. Thanh nhiệt tả hỏa, chỉ khát trừ phiền
3. **Tả nhiệt phá ứ, thông tiện**
4. Lương huyết thanh Tâm, giải độc